

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Hà Nội: 19/61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Tel : +84 (24) 3636 9388

Fax : +84 (24) 3636 9389

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 27
7. Phụ lục	28 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Cấp nước Cao Bằng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800103996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 08 năm 2018.

Vốn điều lệ: 93.119.000.000 VND (Chín mươi ba tỷ một trăm mười chín triệu đồng).

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.
- Điện thoại : 026.3852307
- Fax : 026.3855014
- Mã số thuế : 4 8 0 0 1 0 3 9 9 6

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác sản xuất và kinh doanh nước sạch; sản xuất nước tinh lọc, nước khoáng;
- Thi công công trình cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế và giám sát thi công các dự án, công trình cấp thoát nước;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước.

4. Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dư Hữu Nghĩa.

4.2 Kiểm soát viên

Kiểm soát viên tại Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Lan.

4.3 Ban Giám đốc

Họ và tên

Ông Dư Hữu Nghĩa
Ông Trần Văn Hồi
Ông Nông Minh Tiến
Bà Lương Thị Hồng

Chức vụ

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dư Hữu Nghĩa – Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 29.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



DƯ HỮU NGHĨA

Giám đốc

Cao Bằng, ngày 29 tháng 03 năm 2024.



Số: 2019 /2024/HN/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC CAO BẰNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng (sau đây được gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình vào ngày 31/12/2023, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán và tại thời điểm kiểm toán, đơn vị không sắp xếp được cho chúng tôi chứng kiến kiểm kê. Với chứng từ tài liệu hiện có ở đơn vị, chúng tôi không thể kiểm tra được tính hiện hữu của hàng tồn kho với giá trị là 6.574.668.460 đồng và tài sản cố định hữu hình với giá trị là 226.479.763.611 đồng tại thời điểm kiểm toán bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do đó chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề trên đến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ (nếu có) của đơn vị.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đối với khoản đầu tư vào Trung tâm Thể dục thể thao Cao Bằng có giá trị là 190.000.000 đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề trên đến Bảng cân đối tài khoản, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Công ty chưa được phê duyệt Quyết toán quỹ lương năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Do đó, kết quả kinh doanh của Công ty có thể bị thay đổi khi quyết toán quỹ lương được duyệt có sự khác biệt với số liệu ghi nhận trên Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính đó tại ngày 24 tháng 03 năm 2023.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Bá Quang – Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1086-2023-071-1

Trần Quang Huyền – Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1043-2023-071-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.006.318.926	17.142.466.712
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		4.644.070.742	5.168.265.328
111	1. Tiền	V.1	4.644.070.742	5.168.265.328
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.110.906.886	6.828.379.937
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	6.107.801.147	6.348.833.256
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	205.330.000	219.435.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	233.928.199	696.264.141
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(436.152.460)	(436.152.460)
140	IV. Hàng tồn kho		6.574.668.460	5.145.471.280
141	1. Hàng tồn kho	V.6	6.574.668.460	5.145.471.280
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		676.672.838	350.167
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		675.360.439	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.312.399	350.167
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		124.422.179.153	118.879.071.533
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		116.839.546.147	115.480.349.425
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	116.237.686.148	115.195.697.753
222	- Nguyên giá		226.479.763.611	215.989.723.786
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(110.242.077.463)	(100.794.026.033)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	601.859.999	284.651.672
228	- Nguyên giá		1.133.473.836	783.473.836
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(531.613.837)	(498.822.164)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.010.587.800	402.616.076
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	1.010.587.800	402.616.076
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.10	250.500.000	250.500.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		440.500.000	440.500.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(190.000.000)	(190.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.321.545.206	2.745.606.032
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	6.321.545.206	2.745.606.032
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		142.428.498.079	136.021.538.245

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC CAO BẰNG

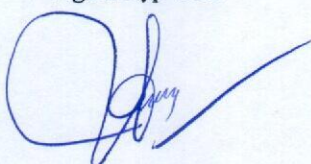
Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.600.838.365	21.028.321.812
310	I. Nợ ngắn hạn		16.627.205.104	12.370.388.551
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	3.278.388.972	1.299.542.599
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		26.546.120	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	778.852.399	1.053.850.389
314	4. Phải trả người lao động		4.579.252.481	3.778.656.498
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		313.879.264	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14a	3.570.445.687	3.367.529.419
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	695.800.000	695.800.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	3.384.040.181	2.175.009.646
330	II. Nợ dài hạn		7.973.633.261	8.657.933.261
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.14b	618.633.026	607.133.026
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	7.355.000.235	8.050.800.235
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		117.827.659.714	114.993.216.433
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	109.761.919.714	106.927.476.433
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		93.119.000.000	93.119.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		16.574.186.225	13.739.742.944
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.733.489	68.733.489
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		68.733.489	68.733.489
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		8.065.740.000	8.065.740.000
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		8.065.740.000	8.065.740.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		142.428.498.079	136.021.538.245

Người lập biểu


LƯƠNG THỊ HỒNG

Kế toán trưởng


LƯƠNG THỊ HỒNG

Cao Bằng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Giám đốc



DU HỮU NGHĨA

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả hoạt động kinh doanh

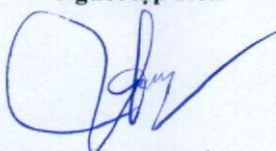
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

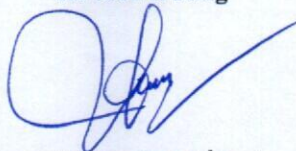
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	56.839.167.724	53.081.403.863
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.839.167.724	53.081.403.863
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	24.064.758.880	23.227.695.773
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.774.408.844	29.853.708.090
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	80.749.509	18.814.623
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	295.469.018	344.797.455
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		295.469.018	344.797.455
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	13.090.031.310	12.071.698.173
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	7.615.977.928	6.074.395.039
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.853.680.097	11.381.632.046
31	11. Thu nhập khác	VI.7	97.467.982	58.802.900
32	12. Chi phí khác	VI.9	64.417.344	196.459.021
40	13. Lợi nhuận khác		33.050.638	(137.656.121)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.886.730.735	11.243.975.925
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	2.438.586.466	2.336.531.185
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.448.144.269	8.907.444.740

Người lập biểu



LƯƠNG THỊ HỒNG

Kế toán trưởng



LƯƠNG THỊ HỒNG

Cao Bằng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Giám đốc



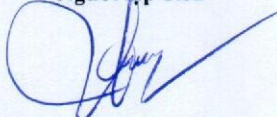
ĐU HỮU NGHĨA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

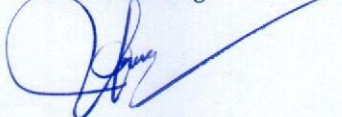
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.886.730.735	11.243.975.925
	2. Điều chỉnh cho các khoản		9.695.562.612	9.606.229.475
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		9.480.843.103	9.280.246.643
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(80.749.509)	(18.814.623)
06	- Chi phí lãi vay		295.469.018	344.797.455
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.582.293.347	20.850.205.400
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		42.112.612	(4.036.558.393)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.429.197.180)	1.550.550.575
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		2.011.665.897	(3.844.205.652)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.787.302.810)	739.088.254
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(295.469.018)	(344.797.455)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(2.537.521.878)	(3.205.988.918)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.302.349.102)	(3.325.585.909)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.284.231.868	8.382.707.902
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(10.034.351.334)	(6.018.437.051)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		80.749.509	18.814.623
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.953.601.825)	(5.999.622.428)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	1.075.262.547
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(695.800.000)	(1.771.062.547)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.13	(3.159.024.629)	(3.102.535.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.854.824.629)	(3.798.335.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(524.194.586)	(1.415.249.526)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.168.265.328	6.583.514.854
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	4.644.070.742	5.168.265.328

Người lập biểu



LƯƠNG THỊ HỒNG

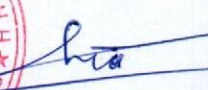
Kế toán trưởng



LƯƠNG THỊ HỒNG

Cao Bằng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Giám đốc


 ĐU HỮU NGHĨA



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Cấp nước Cao Bằng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800103996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 08 năm 2018.

Vốn điều lệ: 93.119.000.000 VND (Chín mươi ba tỷ một trăm mười chín triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác sản xuất và kinh doanh nước sạch; sản xuất nước tinh lọc, nước khoáng;
- Thi công công trình cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế và giám sát thi công các dự án, công trình cấp thoát nước;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc

Địa chỉ

Địa điểm kinh doanh Tổ quản lý nước thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, Cao Bằng

Địa điểm kinh doanh Tổ quản lý nước thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, Cao Bằng

Địa điểm kinh doanh Tổ quản lý nước thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng

Địa điểm kinh doanh Tổ quản lý nước thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, Cao Bằng

Địa điểm kinh doanh Tổ quản lý nước thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, Cao Bằng

Địa điểm kinh doanh Tổ quản lý nước thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, Cao Bằng

Địa điểm kinh doanh Tổ quản lý nước thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, Cao Bằng

trấn Nguyên Bình

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 123 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 123 nhân viên).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện dựa trên nguyên tắc:

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được, kể cả trường hợp không có biên bản đối chiếu công nợ hoặc đối tượng nợ không ký xác nhận công nợ hoặc bỏ trốn, mất tích. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng đối tượng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.
- Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định đối tượng nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Đối với khoản tổn thất về nợ phải thu nếu đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì Công ty sử dụng số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập để bù đắp, trường hợp số dự phòng đã trích lập không đủ bù đắp tổn thất thì số tổn thất còn lại được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí chung phân bổ khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	30 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 10 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ. tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng và doanh thu lắp đặt đồng hồ nước

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm là khoản giảm trừ hàng bán.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	550.043.284	341.378.868
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.094.027.458	4.826.886.460
Tiền Việt Nam	4.094.027.458	4.826.886.460
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.337.710.448	4.515.804.195
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	441.348.527	144.853.131
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	241.076.400	41.392.863
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	73.892.083	124.836.271
Cộng	4.644.070.742	5.168.265.328

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	6.107.801.147	6.348.833.256
Xí nghiệp Xây dựng số 8 - Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	247.739.241	247.739.241
Công ty CPXD Giao thông II - CT: Khu TĐC Đề Thám	171.686.000	171.686.000
Các đối tượng khác	5.688.375.906	5.929.408.015
Cộng	6.107.801.147	6.348.833.256

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các đối tượng khác	205.330.000	219.435.000
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp chuyên ngành	89.742.000	-
Trung tâm quan trắc dữ liệu	42.000.000	42.000.000
Công ty Cổ phần Encopl Bằng Giang	30.000.000	30.000.000
Các đối tượng khác	43.588.000	147.435.000
Cộng	205.330.000	219.435.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ phần hóa	144.090.909	144.090.909
Tạm ứng	-	290.000.000
Phải thu khác	89.837.290	262.173.232
Cộng	233.928.199	696.264.141

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>			-		-	-
Xí nghiệp XD số 8 - CN Tổng công ty Đầu tư phát triển Hạ tầng UDIC	Trên 3 năm	247.739.241	-	Trên 3 năm	247.739.241	-
Công ty CPXD giao thông II -CT: Khu TĐC Đề						
Thám	Trên 3 năm	171.686.000	-	Trên 3 năm	171.686.000	-
Đối tượng khác	Trên 3 năm	25.023.314	8.296.095	Trên 3 năm	25.023.314	8.296.095
Cộng		444.448.555	8.296.095		444.448.555	8.296.095

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Cộng
Số đầu năm	(436.152.460)	(436.152.460)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(436.152.460)	(436.152.460)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.263.558.399	-	4.836.212.163	-
Công cụ, dụng cụ	311.110.061	-	309.259.117	-
Cộng	6.574.668.460	-	5.145.471.280	-

7. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết Phụ lục 01.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	319.473.836	464.000.000	783.473.836
2. Tăng trong năm	-	350.000.000	350.000.000
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	319.473.836	814.000.000	1.133.473.836
II. Giá trị hao mòn			
1. Đầu năm	50.113.836	448.708.328	498.822.164
2. Tăng trong năm	-	32.791.673	32.791.673
- Khấu hao trong năm	-	32.791.673	32.791.673
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	50.113.836	481.500.001	531.613.837
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	269.360.000	15.291.672	284.651.672
2. Tại ngày cuối năm	269.360.000	332.499.999	601.859.999

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Cải tạo và nâng công suất nhà máy nước Sông Bằng từ 5.000 m ³ /ngày đêm lên 20.000m ³ /ngày đêm	364.685.091	-
Cải tạo các tuyến ống cấp II, III thị trấn Quảng Uyên	438.073.347	-
Công trình khác	207.829.362	402.616.076
Cộng	1.010.587.800	402.616.076

10. Đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần In Việt Lập Cao Bằng (1)	250.500.000	-	250.000.000	250.500.000	-	250.000.000
Trung tâm TĐTT Cao Bằng (2)	190.000.000	(190.000.000)	-	190.000.000	(190.000.000)	-
Cộng	440.500.000	(190.000.000)	250.000.000	440.500.000	(190.000.000)	250.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (1) Công ty Cổ phần In Việt Lập Cao Bằng có vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần In Việt Lập Cao Bằng là 250.500.000 đồng, tương đương với 12,525%.
- (2) Trung tâm TDDT Cao Bằng có vốn điều lệ là 1.450.000.000 đồng. Công ty đầu tư vào Trung tâm TDDT Cao Bằng là 190.000.000 đồng, tương đương với 13,1%. Hiện tại Trung tâm đã ngừng hoạt động.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	5.805.922.834	2.237.160.184
Chi phí sửa chữa cải tạo tài sản cố định	505.427.814	330.065.191
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.194.558	178.380.657
Cộng	6.321.545.206	2.745.606.032

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán khác	3.278.388.972	1.299.542.599
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	1.875.960.000	278.100.000
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	643.742.000	-
Công ty TNHH Thương mại Anh Ngọc	350.000.000	-
Công Ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Phát	-	684.519.000
Đối tượng khác	408.686.972	336.923.599
Cộng	3.278.388.972	1.299.542.599

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT đầu ra	110.626.386	-	1.250.479.005	(1.362.067.623)	-	962.232
Thuế TNDN	342.667.498	-	2.438.586.466	(2.537.521.878)	243.732.086	-
Thuế TNCN	94.002.464	-	72.840.371	(153.752.896)	13.089.939	-
Thuế tài nguyên	42.244.695	-	268.375.085	(289.321.165)	21.298.615	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	350.167	8.580.591	(8.580.591)	-	350.167
Thuế, phí khác	464.309.346	-	6.141.195.726	(6.104.773.313)	500.731.759	-
Cộng	1.053.850.389	350.167	10.180.057.244	(10.456.017.466)	778.852.399	1.312.399

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 10%, từ ngày 01/07/2023, thuế suất GTGT là 8%, thuế GTGT của hoạt động cung cấp nước sạch là 5%, thuế GTGT cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất là 0%.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Bảng ước tính thuế TNDN trong năm được dự tính như bảng sau:

	Số năm nay	Số năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.886.730.735	11.243.975.925
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	332.618.096	454.273.775
- Các khoản điều chỉnh giảm	(26.416.501)	(15.593.775)
Thu nhập chịu thuế	12.192.932.330	11.682.655.925
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	12.192.932.330	11.682.655.925
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông 20%	2.438.586.466	2.336.531.185
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.438.586.466	2.336.531.185
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.438.586.466	2.336.531.185

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp là dựa trên thu nhập chịu thuế ước tính có thể xem xét và điều chỉnh khi cơ quan thuế quyết toán.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả khác**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi tiết gồm:		
LNST phải nộp ngân sách nhà nước	3.124.297.882	3.170.927.398
Chi phí quản lý dự án đầu tư nội bộ	232.410.684	4.175.514
Thù lao quỹ BVMT được trích lại	213.737.121	192.426.507
Tổng cộng	3.570.445.687	3.367.529.419

14b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản đặt cọc lấp đặt đồng hồ nước.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/ dài hạn****15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>695.800.000</i>	<i>695.800.000</i>	<i>695.800.000</i>	<i>695.800.000</i>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>695.800.000</i>	<i>695.800.000</i>	<i>695.800.000</i>	<i>695.800.000</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN NHPT Cao Bằng (*)	695.800.000	695.800.000	695.800.000	695.800.000
Cộng	695.800.000	695.800.000	695.800.000	695.800.000

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.355.000.235</i>	<i>7.355.000.235</i>	<i>7.355.000.235</i>	<i>7.355.000.235</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN NHPT Cao Bằng (*)	7.355.000.235	7.355.000.235	7.355.000.235	7.355.000.235
Cộng	7.355.000.235	7.355.000.235	7.355.000.235	7.355.000.235

(*) Là khoản vay dài hạn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh NHPT Cao Bằng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn ODA số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 14/03/2023, phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐODA-NHPTVN ngày 18/06/2013; hợp đồng vay vốn ODA SĐBS số 06/2015/HĐODA-NHPT ngày 21/08/2015; hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04/2016/HĐODA-NHPT ngày 07/04/2016 với số tiền là 7.068.372.266 đồng.

+ Mục đích vay: Thực hiện Dự án Hệ thống cấp nước Thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

+ Thời hạn vay: 25 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Lãi suất vay: Lãi suất nợ trong hạn 3,2%/ năm áp dụng không đổi trong suốt thời gian vay.

+ Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc và lãi, phí trả vào ngày 30/6 và 31/12 hằng năm.

+ Hình thức đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2013/HĐTCTS-NHPT ngày 14/03/2013 bao gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL845925 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/11/2012 và tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng gồm các hạng mục công trình thu và tuyến ống nước thô, trạm xử lý nước sạch, bể chứa áp lực, phần mạng lưới đường ống và hệ thống đầu nối vào nhà.

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là: 6.236.772.266 đồng.

- Hợp đồng vay vốn ODA số 03/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 26 tháng 04 năm 2013, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07/2016/HĐODA-NHPT ngày 08/06/2016 với số tiền là 4.469.827.969 đồng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Mục đích vay: Thực hiện Dự án Hệ thống cấp nước Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

+ Thời hạn vay: 19 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Lãi suất vay: Lãi suất nợ trong hạn 3,2%/ năm áp dụng không đổi trong suốt thời gian vay.

+ Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc và lãi, phí trả vào ngày 30/6 và 31/12 hằng năm.

+ Hình thức đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 04/2013/HĐTCTS-NHPT ngày 02/05/2013 bao gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL845900 do UBND tỉnh Cao Bằng cấp ngày 26/04/2013 và tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, công suất 800m3/ngđ gồm các hạng mục công trình thu và tuyến ống nước thô, trạm xử lý nước sạch, bể chứa áp lực, phân mạng lưới đường ống và hệ thống đầu nối vào nhà.

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là: 1.814.027.969 đồng.

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.175.009.646	3.725.461.887
Tăng từ phân phối lợi nhuận	3.501.305.875	1.724.975.625
Tăng khác	10.073.762	57.820.000
Chi quỹ	(2.302.349.102)	(3.333.247.866)
Số cuối năm	3.384.040.181	2.175.009.646

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Doanh thu bán nước sạch	54.848.121.500	50.160.251.800
Doanh thu xây lắp	1.741.736.805	2.693.156.190
Doanh thu khác	249.309.419	227.995.873
Cộng	56.839.167.724	53.081.403.863

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Giá vốn bán nước sạch	23.376.575.868	22.006.192.207
Giá vốn xây lắp	688.183.012	1.221.503.566
Cộng	24.064.758.880	23.227.695.773

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu tài chính		
Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Lãi tiền gửi	54.333.008	3.220.848
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.416.501	15.593.775
Cộng	80.749.509	18.814.623
4. Chi phí tài chính		
Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Lãi tiền vay	295.469.018	344.797.455
Cộng	295.469.018	344.797.455
5. Chi phí bán hàng		
Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Chi phí nhân viên	6.115.049.890	5.308.725.114
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	480.403.137	340.705.077
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.989.843.353	5.806.739.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.309.525	465.841.713
Chi phí bằng tiền khác	204.425.405	149.686.469
Cộng	13.090.031.310	12.071.698.173
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.905.059.787	3.816.284.019
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.736.297	117.076.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	656.148.544	672.883.758
Thuế, phí và lệ phí	18.580.591	18.580.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.892.330	284.129.392
Chi phí bằng tiền khác	1.342.560.379	1.165.440.479
Cộng	7.615.977.928	6.074.395.039
7. Thu nhập khác		
Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Thu từ cho thuê mặt bằng	55.636.364	31.636.364
Thu nhập khác	41.831.618	27.166.536
Cộng	97.467.982	58.802.900
8. Chi phí khác		
Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Chi phí nộp phạt	88.224	162.437.745
Chi phí khác	64.329.120	34.021.276
Cộng	64.417.344	196.459.021
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi tiết gồm:	Số năm nay	Số năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.211.764.680	9.528.080.978
Chi phí nhân công	17.959.391.350	16.731.151.472
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.818.309.315	1.739.814.695
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.480.843.103	9.280.246.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	957.845.374	885.276.217

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bằng tiền khác	3.342.614.296	3.209.218.980
Cộng	44.770.768.118	41.373.788.985

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Tiền thu từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp trong năm cho các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền là 1.383.600.000 đồng. (năm trước là 1.427.597.500 đồng).

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để đảm bảo khoản vay cho các thành viên quản lý chủ chốt cũng như các thành viên quản lý chủ chốt không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán nước sạch và xây lắp.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn tỉnh Cao Bằng.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO và đã được điều chỉnh hồi tố theo Văn bản số 426/SLĐTBXH-LĐVL ngày 28 tháng 03 năm 2023 và trình bày lại thành số liệu đầu năm trên báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 cho phù hợp như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm trên báo cáo năm nay	Số dư cuối năm theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Phải thu ngắn hạn khác	136	696.264.141	691.644.141	4.620.000
Tài sản cố định hữu hình	221	115.195.697.753	115.855.152.298	(659.454.545)
- Nguyên giá	222	215.989.723.786	216.835.178.331	(845.454.545)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(100.794.026.033)	(100.980.026.033)	186.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	2.745.606.032	2.534.242.396	211.363.636
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.053.850.389	1.048.704.769	5.145.620
Phải trả người lao động	314	3.778.656.498	3.795.984.598	(17.328.100)
Phải trả ngắn hạn khác	319	3.367.529.419	3.355.626.650	11.902.769
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.175.009.646	2.176.284.679	(1.275.033)
Quỹ đầu tư phát triển	418	13.739.742.944	13.733.568.200	6.174.744
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	68.733.489	516.824.398	(448.090.909)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số Năm trước trên báo cáo năm nay	Số Năm nay theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Giá vốn hàng bán	11	23.227.695.773	23.217.862.416	9.833.357
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	29.853.708.090	29.863.541.447	(9.833.357)
Chi phí bán hàng	25	12.071.698.173	12.064.231.628	7.466.545
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.074.395.039	6.117.423.041	(43.028.002)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Địa chỉ: Đường Tân An, Phường Tân Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	11.381.632.046	11.355.903.946	25.728.100
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	11.243.975.925	11.218.247.825	25.728.100
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.331.385.565	2.336.531.185	5.145.620
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	8.907.444.740	8.886.862.260	20.582.480

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Số Năm trước trên báo cáo năm nay	Số Năm nay theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.243.975.925	11.218.247.825	25.728.100
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(3.844.205.652)	(3.818.477.552)	(25.728.100)

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Cao Bằng, ngày 29 tháng 03 năm 2024.

**LƯƠNG THỊ HỒNG**

Người lập biểu

**LƯƠNG THỊ HỒNG**

Kế toán trưởng

**DU HỮU NGHĨA**

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC CAO BẰNG

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

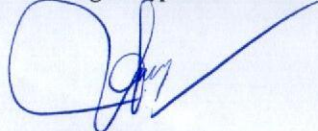
Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	39.265.326.300	34.634.702.467	141.442.868.895	250.774.364	396.051.760	215.989.723.786
2. Tăng trong năm	593.139.662	1.144.632.593	8.597.499.977	154.767.593	-	10.490.039.825
- Tăng do mua mới	-	1.144.632.593	-	154.767.593	-	1.299.400.186
- Tăng do XDCB hoàn thành	593.139.662	-	8.597.499.977	-	-	9.190.639.639
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	39.858.465.962	35.779.335.060	150.040.368.872	405.541.957	396.051.760	226.479.763.611
II. Giá trị hao mòn						
1. Giá trị hao mòn đầu năm	26.341.866.962	22.541.401.752	51.352.577.220	228.559.982	329.620.117	100.794.026.033
2. Tăng trong năm	1.038.917.667	1.851.554.827	6.513.304.151	14.207.645	30.067.140	9.448.051.430
Khấu hao trong năm	1.038.917.667	1.851.554.827	6.513.304.151	14.207.645	30.067.140	9.448.051.430
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Giá trị hao mòn cuối năm	27.380.784.629	24.392.956.579	57.865.881.371	242.767.627	359.687.257	110.242.077.463
III. Giá trị còn lại						-
1. Tại ngày đầu năm	12.923.459.338	12.093.300.715	90.090.291.675	22.214.382	66.431.643	115.195.697.753
2. Tại ngày cuối năm	12.477.681.333	11.386.378.481	92.174.487.501	162.774.330	36.364.503	116.237.686.148

Trong đó:

- Giá trị tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 36.494.347.317 đồng
- Giá trị còn lại của tài sản cố định đem đi cầm cố thế chấp là 13.763.250.333 đồng.

Người lập biểu



LƯƠNG THỊ HỒNG

Kế toán trưởng



LƯƠNG THỊ HỒNG

Cao Bằng, ngày 29 tháng 03 năm 2024



Giám đốc



ĐU HỮU NGHĨA

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC CAO BẰNG

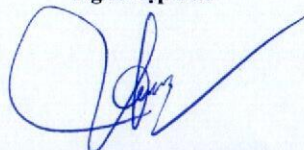
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	93.119.000.000	11.067.509.522	516.824.398	104.703.333.920
Tăng trong năm trước	-	2.672.233.422	8.907.444.740	11.579.678.162
+ Lãi trong năm trước	-	-	8.907.444.740	8.907.444.740
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	2.672.233.422	-	2.672.233.422
Giảm trong năm trước	-	-	(9.355.535.649)	(9.355.535.649)
+ Phân phối lợi nhuận	-	-	(8.907.444.740)	(8.907.444.740)
+ Giảm khác	-	-	(448.090.909)	(448.090.909)
Số dư tại ngày 31/12/2022	93.119.000.000	13.739.742.944	68.733.489	106.927.476.433
Số dư tại ngày 01/01/2023	93.119.000.000	13.739.742.944	68.733.489	106.927.476.433
Tăng trong năm nay	-	2.834.443.281	9.448.144.269	12.282.587.550
+ Lãi trong năm nay	-	-	9.448.144.269	9.448.144.269
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	2.834.443.281	-	2.834.443.281
Giảm trong năm nay	-	-	(9.448.144.269)	(9.448.144.269)
+ Phân phối lợi nhuận	-	-	(9.448.144.269)	(9.448.144.269)
Số dư tại ngày 31/12/2023	93.119.000.000	16.574.186.225	68.733.489	109.761.919.714

Người lập biểu

**LƯƠNG THỊ HỒNG**

Kế toán trưởng

**LƯƠNG THỊ HỒNG**

Cao Bằng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Giám đốc

**DƯ HỮU NGHĨA**

